

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2019

V/v: “Ly hôn giữa bà T và ông H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Tiến.

2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố RG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lưu Kim T, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Số E2-13, đường 11C, KĐT P C, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tống Minh H, sinh năm 1952; Địa chỉ cư trú: Số E2-13, đường 11C, KĐT P C, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lưu Kim T trình bày: Bà T và ông H tự tìm hiểu quen nhau khoảng 01 năm, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 1982, có đăng ký kết hôn nhưng do thời gian đã lâu nên Giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, đến năm 2018 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn lại và được UBND phường AH, thành phố RG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/12/2018.

Lý do bà T yêu cầu xin ly hôn: Bà T cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử, sinh hoạt hàng ngày, mỗi người có cách suy nghĩ và hành động khác nhau, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi, xúc phạm nhau; vợ chồng không còn thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bất đồng xảy ra và kéo dài nhiều năm nay, cả hai nhiều lần tự hòa giải nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 10/2018 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T xác nhận xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Tống Ngọc H1, sinh ngày 10/8/1983 và Tống Ngọc H2, sinh ngày 18/6/1992. Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu:

Về hôn nhân : Bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Hai người con chung tên Tống Ngọc H1, sinh ngày 10/8/1983 và Tống Ngọc H2, sinh ngày 18/6/1992, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án có triệu tập ông H để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng ông H vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng ông H có tình lách mặt không đến tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn ông Tống Minh H.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa bà T xác nhận, bà T và ông H tự quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 1982, có đăng ký kết hôn và được UBND phường AH, thành phố RG cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

27/12/2018. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng bà T và ông H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông H cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến, điều đó cho thấy ông H cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn tình cảm với bà T. Tại phiên tòa, bà T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T được ly hôn với ông H.

[4] *Về con chung*: Bà T xác nhận có 02 người con chung tên Tổng Ngọc H1, sinh ngày 10/8/1983 và Tổng Ngọc H2, sinh ngày 18/6/1992. Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Tòa án có triệu tập ông Tổng Minh H để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hôn nhân gia đình*. Tuy nhiên, ông H cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Trường hợp ông H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân* : Cho ly hôn giữa bà Lưu Kim T và ông Tổng Minh H.

2. *Về con chung*: Bà T xác nhận có 02 người con chung tên Tổng Ngọc H1, sinh ngày 10/8/1983 và Tổng Ngọc H2 , sinh ngày 18/6/1992, các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn*: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Bà T đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003861, ngày 18/4/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố RG, nên bà T được khấu trừ.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- THA DS TP. RG;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa